

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ THUẬN AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 27 – 6 – 2018
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con,

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Huỳnh Minh Trí.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Huỳnh Ngọc Sương
2. Bà Nguyễn Thị Kim Thu

- Thư ký phiên tòa: Bà Đậu Thị Loan.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương: Bà Nguyễn Ngọc Hương – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 582/2018/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 6 năm 2018 về tranh chấp “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2018/QĐXXST- HNGĐ ngày 11/6/2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thụy Minh N, sinh năm 1984; trú tại: Ấp V, xã T, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh, có mặt.

Bị đơn: Ông Phạm Hoàng T, sinh năm 1973; trú tại: Khu phố Đ, phường B, thị xã T, tỉnh Bình Dương, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện ngày 23 tháng 5 năm 2018, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thụy Minh N trình bày:*

Bà Nguyễn Thụy Minh N và ông Phạm Hoàng T tự nguyện tìm hiểu, sau đó tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh, được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 89, quyển số 01.2002 ngày 08/11/2002. Quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc nhưng đến khoảng đầu năm 2008 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không còn tình cảm yêu thương gì với nhau. Bà Nguyễn Thụy Minh N và ông Phạm Hoàng T đã sống ly thân với nhau hơn 10 năm nay.

Nhận thấy không còn tình cảm với ông Phạm Hoàng T, mục đích hôn nhân không đạt được, hai vợ chồng không thể quay về sống đoàn tụ, hạnh phúc nên bà Nguyễn Thụy Minh N khởi kiện yêu cầu giải quyết như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn với ông Phạm Hoàng T.

- Về con chung: Quá trình chung sống bà Nguyễn Thụy Minh N và ông Phạm Minh H có 01 con chung tên Phạm Minh H, sinh ngày 17/9/2004. Sau khi ly hôn, bà Nguyễn Thụy Minh N đồng ý giao con cho ông Phạm Hoàng T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Bà Nguyễn Thụy Minh N không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết

** Tại bản tự khai và tại phiên tòa bị đơn ông Phạm Hoàng T trình bày:*

Ông Phạm Minh H thống nhất với bà Nguyễn Thụy Minh N về thời gian, điều kiện kết hôn và con chung.

Về mâu thuẫn vợ chồng, ông Phạm Hoàng T xác định vợ chồng không mâu thuẫn gì nhiều. Do tính chất công việc nên ông Tùng ít về nhà thường xuyên để chăm sóc gia đình nên tình cảm vợ chồng ngày càng xa cách. Vợ chồng đã sống ly thân với nhau khoảng 10 năm nay. Ông Phạm Hoàng T không đồng ý ly hôn với bà Nguyễn Thụy Minh N, mong muốn vợ chồng cùng đoàn tụ cùng chăm sóc con chung và xây dựng gia đình hạnh phúc.

Về con chung: Quá trình chung sống bà Nguyễn Thụy Minh N và ông Phạm Hoàng T có 01 con chung tên Phạm Minh H, sinh ngày 17/9/2004. Trong trường hợp Tòa án giải quyết cho ông Tùng và bà Nguyễn Thụy Minh N ly hôn thì ông Phạm Hoàng T tôn trọng ý kiến của con chung. Nếu được giao nuôi con chung, ông Phạm Hoàng T sẽ không yêu cầu bà Nguyễn Thụy Minh N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành đúng, đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định. Tính đến ngày Tòa án có quyết định đưa vụ án ra xét xử, vụ án còn trong thời hạn chuẩn bị xét xử theo điểm a khoản 1 Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên Tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, tranh chấp về nuôi con với bị đơn nên quan hệ pháp luật trong vụ án này được xác định là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn – ông Phạm Hoàng Tùng có nơi cư trú tại khu phố Đ, phường B, thị xã T, tỉnh Bình Dương vì vậy theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương là Tòa án có thẩm quyền giải quyết.

[3] Về thời hiệu: Việc nguyên đơn yêu cầu giải quyết việc ly hôn với bị đơn là quyền yêu cầu bảo vệ về nhân thân nên theo Điều 155 Bộ luật dân sự không tính thời hiệu khởi kiện.

[4] Về nội dung: Quan hệ hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn được xác lập trên cơ sở tự nguyện vào năm 2002, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh, được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 89, quyền số 01.2002 ngày 08/11/2002 nên là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình tổ tụng cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn xác định từ khoảng đầu năm 2008 giữa nguyên đơn và bị đơn phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, vợ chồng không còn yêu thương gì nhau. Vợ chồng đã sống ly thân với nhau từ năm 2008 cho đến nay, không ai quan tâm chăm sóc cho nhau. Hiện nay, nguyên đơn xác định tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không thể quay về đoàn tụ được với nhau nên yêu cầu được ly hôn với bị đơn.

Bị đơn xác định vợ chồng có mâu thuẫn nhưng không trầm trọng. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính chất công việc của mình nên ít có thời gian chăm sóc gia đình dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng xa cách. Bị đơn đã áp dụng mọi biện pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không có kết quả, vợ chồng đã ly thân với nhau khoảng 10 năm nay. Bị đơn không đồng ý ly hôn với nguyên đơn.

Xét thấy, quan hệ hôn nhân tồn tại bền vững dựa trên tình cảm của vợ chồng, sống có trách nhiệm, thương yêu, chăm sóc, quan tâm lẫn nhau. Nhưng quan hệ hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn không đạt được các yếu tố của một gia đình hạnh phúc, thời gian ly thân của vợ chồng kéo dài 10 năm nay, mỗi người có một cuộc sống riêng, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau nên được xem là tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được phù hợp với quy định tại Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc ly hôn với bị đơn.

Về con chung: Nguyên đơn và bị đơn có 01 con chung tên Phạm Minh H, sinh ngày 17/9/2004. Quá trình tố tụng, Tòa án lấy lời khai cháu Phạm Minh H có nguyện vọng sống chung với cha ruột. Tại phiên Tòa nguyên đơn và bị đơn xác định trường hợp Tòa án giải quyết cho cả hai ly hôn thì nguyên đơn và bị đơn tôn trọng ý kiến của con chung. Nếu được giao nuôi con chung, bị đơn sẽ không yêu cầu nguyên đơn cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, bị đơn có công việc, thu nhập ổn định nên giao con chung cho bị đơn chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp. Ghi nhận sự tự nguyện của bị đơn về việc không yêu cầu nguyên đơn cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn và bị đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 266; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 155 Bộ luật dân sự

- Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - bà Nguyễn Thụy Minh N đối với bị đơn - ông Phạm Hoàng T, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thụy Minh N được ly hôn với ông Phạm Hoàng T.

- Về con chung: Ông Phạm Hoàng T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Phạm Minh H, sinh ngày 17/9/2004 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi

Về cấp dưỡng: Ghi nhận sự tự nguyện của ông Phạm Hoàng T về việc không yêu cầu bà Nguyễn Thụy Minh N cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thụy Minh N phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2016/0023583 ngày 04/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND cùng cấp;
- Chi cục THADS cùng cấp;
- UBND Phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Chánh án (để báo cáo);
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Huỳnh Minh Trí

